

Số: 23 /2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động, quản lý, sử dụng và quyết toán
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 191/TTr-STC ngày 23 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức hoạt động, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./..w*

Nơi nhận: *ML*

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CSDL QG về PL (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm TH - CB;
- Lưu VT, P. TH ^{Cầm} *B*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

QUY CHẾ

Tổ chức hoạt động, quản lý, sử dụng và quyết toán

Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2020/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức hoạt động, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ); quy định về đối tượng và mức đóng góp Quỹ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với Quỹ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp trong việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; đồng thời giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai kế hoạch thu - chi Quỹ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo Quy chế này.

**CHƯƠNG II
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

Điều 5. Đối tượng và mức đóng góp

1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn: Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu là 500 nghìn đồng, tối đa là 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Người có hộ khẩu thường trú, tạm trú đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Hưng Yên từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng góp 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp.

b) Người lao động trong các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng góp 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng.

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, đóng góp 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 6. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

1. Đối tượng được miễn đóng góp

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh.

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ.

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề.

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của Trung tâm y tế từ cấp huyện trở lên.

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 06 tháng trở lên trong 01 năm.

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có).

h) Hợp tác xã không có nguồn thu.

i) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Mức giảm tối đa là 50% mức phải đóng góp của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 8. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ

1. Giám đốc Quỹ tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này và chuyển vào tài khoản của cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, nhân viên trong lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh hoặc vào tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch thu của các cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc; xem xét các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn, tổng hợp kế hoạch thu Quỹ của huyện báo cáo cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố), Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các huyện) chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế đơn đốc đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài do cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã thu quỹ để nộp vào tài khoản của cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh hoặc vào tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn và nộp vào tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh cho cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ theo quy định.

9. Cục Thuế tỉnh thực hiện và chỉ đạo các Chi cục Thuế kiểm soát việc hạch toán, nộp quỹ; có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan quản lý Quỹ) chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt cho các đối tượng được miễn,

giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ và giao chỉ tiêu thu Quỹ đối với các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố trước ngày 30/5 hàng năm. Phối hợp với Sở Tài chính quyết toán số thu, chi hàng năm; gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo của cơ quan quản lý Quỹ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

11. Thời hạn nộp Quỹ: Đối với cá nhân nộp một lần trước ngày 30/5 hàng năm; đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn nộp tối thiểu 50% trước ngày 30/5, số còn lại nộp trước ngày 30/10 hàng năm.

Điều 9. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai thực hiện theo quy định tại Điểm 1 Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ.

2. Điều chuyển để hỗ trợ các tỉnh khác bị thiệt hại do thiên tai gây ra mà vượt quá khả năng khắc phục của địa phương đó.

3. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thực thu (được trích để lại trước khi nộp vào tài khoản Quỹ của tỉnh).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện được sử dụng tối đa không quá 20% số thực thu của cấp huyện (số trực tiếp thu và không phải là số thu của cấp xã; được trích lại trước khi nộp vào tài khoản Quỹ của tỉnh) để chi cho nhiệm vụ phòng, chống thiên tai như sau:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai hàng năm.

b) Tập huấn cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c) Xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cấp huyện.

d) Chi mua bảo hộ cho người làm công tác phòng, chống thiên tai; mua sắm bổ sung vật tư, dụng cụ phòng, chống thiên tai.

đ) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai, hỗ trợ cho các lực lượng phòng chống thiên tai trong trường hợp có thiên tai hoặc vượt dự toán chi thường xuyên của cấp huyện.

e) Sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai có quy mô nhỏ.

g) Chi các nội dung khác về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã được sử dụng tối đa không quá 20% số thực thu của cấp xã (số trực tiếp thu và được trích lại trước khi nộp vào tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền) để chi cho nhiệm vụ phòng, chống thiên tai như sau:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai hàng năm.

b) Truyền phát tin chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của các cấp đến cộng đồng.

c) Xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cấp xã.

d) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

đ) Tu sửa một số công trình phòng, chống thiên tai có quy mô nhỏ.

e) Chi các nội dung khác về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được để lại đúng quy định về quản lý tài chính.

Điều 10. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tham mưu, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng.

2. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan, đề xuất mức chi, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Căn cứ vào số thu Quỹ và điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các tỉnh khác.

Điều 11. Báo cáo, phê duyệt quyết toán Quỹ

1. Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thu, chi Quỹ hàng năm với Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

2. Về phê duyệt quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành có sử dụng kinh phí từ nguồn Quỹ: thực hiện theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm tổng hợp quyết toán thu, chi, tổng hợp số liệu, lập báo cáo kết quả thực hiện và gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định vào quý I năm sau.

4. Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Thực hiện các công tác quyết toán khác theo quy định hiện hành.

Điều 12. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động của Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành liên quan kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ; có biện pháp đôn đốc các cơ quan,

tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên, các tổ chức thành viên, các Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về Quỹ và thực hiện giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện theo quy định.

Điều 13. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

a) Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp.

2. Cấp huyện, cấp xã phải công khai kết quả thu, nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi.

a) Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm văn hóa các thôn, tổ dân phố và thông báo công khai trên phương tiện truyền thanh địa phương.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thu nộp.

3. Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện, thị xã, thành phố; báo cáo quyết toán thu 06 tháng và cả năm; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện.

a) Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp Quỹ; công khai trên website (nếu có) của cơ quan quản lý Quỹ.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thu nộp.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và các sở, ngành liên quan.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan quản lý Quỹ) phối hợp với các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài quy định tại Điều 5 Quy chế này có nghĩa vụ đóng góp Quỹ theo quy định.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo quy định.
2. Tổ chức, cá nhân không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ thì phải nộp và truy nộp theo quy định của pháp luật.
3. Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng thường trực là Chi cục quản lý đê điều và Phòng, chống lụt bão) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng